

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 – 35



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Điềm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Nguyễn Chí Linh**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 21 tháng 8 năm 2015

151 21 8 2015

Số: 116 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2015 từ trang 04 đến trang 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



**Lê Đình Tứ**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
Ngày 21 tháng 8 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Bùi Quốc Anh**  
Kiểm toán viên  
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2133-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 01a-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			30/6/2015	(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>305.511.983.287</b>	<b>298.595.175.698</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>43.256.544.415</b>	<b>38.222.725.654</b>
1. Tiền	111		24.756.544.415	16.222.725.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.500.000.000	22.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>7.113.266.430</b>	<b>7.113.266.430</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		10.100.000.000	10.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.986.733.570)	(2.986.733.570)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.174.085.715</b>	<b>56.299.589.721</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		78.587.379.941	53.517.075.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.273.939.318	2.151.680.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.853.355.920	1.171.423.347
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(540.589.464)	(540.589.464)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>170.391.310.168</b>	<b>194.487.496.222</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	170.391.310.168	194.487.496.222
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.576.776.559</b>	<b>2.472.097.671</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.574.701.689	327.459.045
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10a	2.074.870	2.144.638.626
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>217.161.848.274</b>	<b>222.073.605.583</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	250.000.000	250.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>184.584.975.278</b>	<b>189.492.635.758</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	165.352.606.114	170.003.749.110
- Nguyên giá	222		317.416.958.623	309.985.613.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(152.064.352.509)	(139.981.864.466)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.232.369.164	19.488.886.648
- Nguyên giá	228		21.071.968.802	21.071.968.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.839.599.638)	(1.583.082.154)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>113.029.351</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		113.029.351	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>31.190.000.000</b>	<b>31.190.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	15.000.000.000	15.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	6.000.000.000	6.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	10.190.000.000	10.190.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.023.843.645</b>	<b>1.140.969.825</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	100.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.023.843.645	1.040.969.825
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>522.673.831.561</b>	<b>520.668.781.281</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 01a-DN**  
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>106.822.377.735</b>	<b>132.291.444.190</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>102.052.442.984</b>	<b>127.385.956.439</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	26.047.463.694	17.769.694.016
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		244.148.543	12.263.312.929
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10b	7.884.931.657	8.157.991.469
4. Phải trả người lao động	314		30.805.659.226	23.344.405.745
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	15.052.849.755	2.713.075.510
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.849.824.028	28.409.549.047
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	10.531.269.840	21.978.271.482
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	7.636.296.241	12.749.656.241
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.769.934.751</b>	<b>4.905.487.751</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		116.100.000	170.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.653.834.751	4.735.487.751
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>415.851.453.826</b>	<b>388.377.337.091</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>415.851.453.826</b>	<b>388.377.337.091</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		192.851.020.000	192.851.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.851.020.000	192.851.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.658.370.783	8.658.370.783
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		143.940.953.440	143.940.953.440
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.401.109.603	42.926.992.868
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.070.508.868	21.833.576.534
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		40.330.600.735	21.093.416.334
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>522.673.831.561</b>	<b>520.668.781.281</b>

  
 \_\_\_\_\_  
**Hồ Thị Hải Vân**  
 Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thế Đề**  
 Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
**Nguyễn Chí Linh**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 21 tháng 8 năm 2015



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 02a-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	337.460.424.709	314.885.634.170
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	303.229.185	313.025.186
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>337.157.195.524</b>	<b>314.572.608.984</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	26	169.526.556.749	162.433.557.126
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>167.630.638.775</b>	<b>152.139.051.858</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.541.081.956	2.466.317.517
7. Chi phí tài chính	22	29	3.514.463.975	2.722.188.620
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		328.274.673	1.570.266.219
8. Chi phí bán hàng	25	30	84.848.779.393	81.819.625.242
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	28.867.617.582	23.282.341.964
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>51.940.859.781</b>	<b>46.781.213.549</b>
11. Thu nhập khác	31		394.718.186	1.212.610.283
12. Chi phí khác	32		30.696.621	39.558.650
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>31</b>	<b>364.021.565</b>	<b>1.173.051.633</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>52.304.881.346</b>	<b>47.954.265.182</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	11.958.967.619	10.668.403.746
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	17.126.180	189.575.952
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>40.328.787.547</b>	<b>37.096.285.484</b>

*baul*

*[Signature]*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 21 tháng 8 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU B 03a-DN**  
Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.304.881.346	47.954.265.182
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.339.005.527	12.194.573.937
Các khoản dự phòng (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	-	(507.910.030)
(Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	04	102.060.873	343.249.495
Chi phí lãi vay	05	(1.501.805.353)	(2.466.317.517)
	06	328.274.673	1.570.266.219
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	63.572.417.066	59.088.127.286
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(25.923.108.596)	(13.452.311.068)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	23.871.556.703	8.691.621.385
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	16.833.224.561	14.199.049.185
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.147.242.644)	(1.156.340.392)
Tiền lãi vay đã trả	14	(328.274.673)	(1.675.673.150)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.116.433.061)	(19.512.523.769)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.056.000.000	52.400.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.941.250.332)	(4.858.174.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.876.889.024	41.376.174.867
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.592.245.347)	(7.364.154.976)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.501.805.353	2.466.317.517
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.090.439.994)	(4.897.837.459)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.003.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	25.149.097.176	68.524.906.953
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.698.011.018)	(90.885.323.182)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.203.771.600)	(19.124.905.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.752.685.442)	(42.488.321.929)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	5.033.763.588	(6.009.984.521)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	38.222.725.654	27.064.284.947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	55.173	952.962
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	43.256.544.415	21.055.253.388

*ball*

*[Signature]*



Hồ Thị Hải Vân  
Người lập

Nguyễn Thế Đề  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y tế, có Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 102652 do Trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện nay, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 12, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 722 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 713 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các Công ty con, liên doanh, công ty liên kết và các chi nhánh phụ thuộc như sau

**Công ty con:**

- Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương

**Hợp đồng hợp tác liên doanh:**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiều - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc

**Công ty liên kết:**

- Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang

**Chi nhánh phụ thuộc:**

- Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm OPC - Cửa hàng giới thiệu và KD Dược phẩm
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Hà Nội
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nghệ An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Miền Đông - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại và trình bày lại nhằm mục đích để phù hợp với việc so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Do đó, Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

00-0  
HÀNH  
G T  
EM H  
DIT  
NA  
HỒ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ, chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí đầu tư thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

0017  
Ct  
C  
RACH  
DI  
V  
1/1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	8.789.102.858	1.500.309.941
Tiền gửi ngân hàng	15.967.441.557	14.722.415.713
Các khoản tương đương tiền	18.500.000.000	22.000.000.000
	<b><u>43.256.544.415</u></b>	<b><u>38.222.725.654</u></b>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,4% đến 5,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5%/năm).

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>				
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Con Hồ Việt Nam	10.100.000.000	(2.986.733.570)	10.100.000.000	(2.986.733.570)
	<b><u>7.113.266.430</u></b>		<b><u>7.113.266.430</u></b>	

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.853.355.920</b>	<b>1.171.423.347</b>
Phải thu người lao động	1.867.202.355	404.944.750
Ký cược, ký quỹ	368.603.938	386.380.555
Khoản phải thu từ Bảo hiểm xã hội	40.159.524	338.455.085
Phải thu khác	577.390.103	41.642.957
<b>b. Dài hạn</b>	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>
Phải thu khác (*)	250.000.000	250.000.000
	<b><u>3.103.355.920</u></b>	<b><u>1.421.423.347</u></b>

(\*) Khoản phải thu dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư góp vốn liên doanh tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiều – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (“Kiên Kiều”) ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải thu/nộp trong kỳ	Số đã thực thu/ nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.144.638.626	12.041.038.185	14.183.601.941	2.074.870
<b>Cộng</b>	<b>2.144.638.626</b>	<b>12.041.038.185</b>	<b>14.183.601.941</b>	<b>2.074.870</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	28	5.422.268.189	4.899.600.978	522.667.239
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.306.200	6.794.900	7.345.100	756.000
Thuế nhập khẩu	-	950.508.260	950.508.260	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.712.135.361	11.958.967.619	13.116.433.061	6.554.669.919
Thuế thu nhập cá nhân	444.549.880	3.879.002.104	3.516.713.485	806.838.499
Tiền thuê đất (*)	-	2.311.642.356	2.311.642.356	-
Các loại thuế khác	-	18.000.000	18.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.157.991.469</b>	<b>24.547.183.428</b>	<b>24.820.243.240</b>	<b>7.884.931.657</b>

(\*) Khoản tiền thuê đất thể hiện số tạm tính tiền thuê đất bổ sung từ năm 2006 đến năm 2014 theo đơn giá đất mới theo Thông báo của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 5 năm 2015.

1250  
HI N  
CÓN  
INH  
ELI  
VIỆT  
- TI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	177.458.067.412	112.420.954.732	17.548.667.853	2.557.923.579	309.985.613.576
Tăng trong kỳ	10.326.108	1.300.508.830	2.307.078.291	-	3.617.913.229
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	-	3.813.431.818	-	-	3.813.431.818
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>177.468.393.520</b>	<b>117.534.895.380</b>	<b>19.855.746.144</b>	<b>2.557.923.579</b>	<b>317.416.958.623</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	52.468.461.899	76.233.526.123	8.841.680.720	2.438.195.724	139.981.864.466
Khấu hao trong kỳ	4.561.261.142	6.211.171.222	1.255.188.923	54.866.756	12.082.488.043
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>57.029.723.041</b>	<b>82.444.697.345</b>	<b>10.096.869.643</b>	<b>2.493.062.480</b>	<b>152.064.352.509</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	<b>124.989.605.513</b>	<b>36.187.428.609</b>	<b>8.706.987.133</b>	<b>119.727.855</b>	<b>170.003.749.110</b>
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>120.438.670.479</b>	<b>35.090.198.035</b>	<b>9.758.876.501</b>	<b>64.861.099</b>	<b>165.352.606.114</b>

Như trình bày ở Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 7.272.740.183 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7.574.046.395 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với giá trị là 61.204.666.850 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 60.481.135.443 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015 và 30/6/2015	19.781.333.802	1.290.635.000	21.071.968.802
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.087.818.270	495.263.884	1.583.082.154
Khấu hao trong kỳ	127.453.986	129.063.498	256.517.484
Tại ngày 30/6/2015	1.215.272.256	624.327.382	1.839.599.638
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	<b>18.693.515.532</b>	<b>795.371.116</b>	<b>19.488.886.648</b>
Tại ngày 30/6/2015	<b>18.566.061.546</b>	<b>666.307.618</b>	<b>19.232.369.164</b>

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	100	100	trồng cây dược liệu, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất rượu mạnh, mỹ phẩm, sản xuất hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Chi tiết số vốn đã góp vào công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm OPC Bình Dương (“Công ty con”), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập ở Tỉnh Bình Dương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2007 với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần 04, số 3700806295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 7 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là trồng cây dược liệu, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất rượu mạnh, mỹ phẩm, sản xuất hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.. Đến thời điểm báo cáo số liệu tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty con.

Không có khoản dự phòng cần phải trích lập cho khoản đầu tư vào Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	40	40	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	6.000.000.000	6.000.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (“OPC Bắc Giang”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang.

Không có khoản dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Chi tiết khoản đầu tư tài chính dài hạn khác như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	2.750.000.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	790.000.000	790.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	100.000.000	100.000.000
	<b><u>10.190.000.000</u></b>	<b><u>10.190.000.000</u></b>

Không có khoản dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận với sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước.

	Dự phòng phải trả dài hạn khác <u>VND</u>	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	1.242.927.282	(752.970)	1.242.174.312
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	<u>(201.119.977)</u>	<u>(84.510)</u>	<u>(201.204.487)</u>
Tại ngày 31/12/2014	1.041.807.305	(837.480)	1.040.969.825
Ghi giảm lợi nhuận trong kỳ	<u>(17.963.660)</u>	<u>837.480</u>	<u>(17.126.180)</u>
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b><u>1.023.843.645</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.023.843.645</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tien Yuan Chemical Pte. Ltd	5.976.792.000	-
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh 35)	8.301.195.252	5.453.188.874
Phải trả cho các đối tượng khác	11.769.476.442	12.316.505.142
<b>Cộng</b>	<b><u>26.047.463.694</u></b>	<b><u>17.769.694.016</u></b>

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, marketing	9.561.044.815	1.333.213.339
Chi phí nghiên cứu	-	438.235.437
Chi phí điện sản xuất	170.017.600	109.359.900
Chi phí lãi vay	-	54.782.585
Chi phí nhượng quyền	569.314.157	-
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	619.634.500	-
Chi phí thuê đất	1.483.981.735	-
Chi phí phúc lợi nhân viên	1.876.768.000	-
Khác	772.088.948	777.484.249
	<b><u>15.052.849.755</u></b>	<b><u>2.713.075.510</u></b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	1.607.941.260	1.669.503.697
Cổ tức	1.033.487.750	26.380.775.350
Phải trả khác	1.208.395.018	359.270.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.849.824.028</u></b>	<b><u>28.409.549.047</u></b>

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>01/01/2015</u>	<u>Trong kỳ</u>		<u>30/6/2015</u>
	Giá trị <u>VND</u>	Tăng <u>VND</u>	Giảm <u>VND</u>	Giá trị <u>VND</u>
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh	4.103.113.236	13.303.063.176	17.406.176.412	-
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	5.012.127.846	-	5.012.127.846	-
- Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh	12.863.030.400	-	12.863.030.400	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi	-	11.937.848.200	1.406.578.360	10.531.269.840
	<b><u>21.978.271.482</u></b>	<b><u>25.240.911.376</u></b>	<b><u>36.687.913.018</u></b>	<b><u>10.531.269.840</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Vào ngày 02 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi) với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng (Nay là 30.000.000.000 đồng theo Phụ lục HĐTD số HM.1289.11/PLHĐTD.01). Khoản tín dụng này có hiệu lực 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận khoản nợ vay đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất áp dụng theo hình thức lãi suất thả nổi, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tại từng lần nhận nợ được quy định trên từng giấy nhận nợ hoặc hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn. Công ty sử dụng tài sản cố định để thế chấp cho khoản vay này (Xem Thuyết minh số 11).

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	12.749.656.241	12.941.249.761
Sử dụng quỹ trong kỳ	(5.113.360.000)	(4.698.115.860)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.636.296.241</b>	<b>8.243.133.901</b>

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phần được phép phát hành (Cổ phần)	19.285.102	19.285.102
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ (Cổ phần)	19.285.102	19.285.102
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông Nhà nước, cổ đông khác của Công ty và vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ năm giữ tại ngày 30/6/2015 và 31/12/2014		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2015 và 31/12/2014
	Cổ phiếu	%	VND
Cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Dược	3.562.650	18,47	35.626.500.000
Cổ đông khác	15.722.452	81,53	157.224.520.000
	<b>19.285.102</b>	<b>100</b>	<b>192.851.020.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	128.568.600.000	72.468.790.783	118.291.165.711	12.694.816.729	28.232.506.534	360.255.879.757
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	66.415.315.964	66.415.315.964
Tăng vốn trong năm	64.282.420.000	(64.282.420.000)	-	-	-	-
Chênh lệch giá bán và giá mua cổ phiếu quỹ	-	472.000.000	-	-	-	472.000.000
Chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	-	(205.291.630)	(205.291.630)
Phân phối quỹ	-	-	9.727.548.000	3.227.423.000	(12.954.971.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.506.917.000)	(6.506.917.000)
Chia thêm cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(6.398.930.000)	(6.398.930.000)
Hoàn nhập cổ tức của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	59.000.000	59.000.000
Chia cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	-	-	(19.285.102.000)	(19.285.102.000)
Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2014	-	-	-	-	(6.428.618.000)	(6.428.618.000)
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	15.922.239.729	(15.922.239.729)	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>192.851.020.000</b>	<b>8.658.370.783</b>	<b>143.940.953.440</b>	<b>-</b>	<b>42.926.992.868</b>	<b>388.377.337.091</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	40.328.787.547	40.328.787.547
Chia thêm cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(12.856.484.000)	(12.856.484.000)
Chuyển lỗ cho liên doanh	-	-	-	-	1.813.188	1.813.188
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>192.851.020.000</b>	<b>8.658.370.783</b>	<b>143.940.953.440</b>	<b>-</b>	<b>70.401.109.603</b>	<b>415.851.453.826</b>

Theo Nghị quyết số 470/NQ-HĐQT thông qua ngày 5 tháng 5 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án chia bổ sung cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 với số tiền là 12.856.484.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ ("USD")	255	35

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**25. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	336.979.311.027	314.492.669.528
Doanh thu bán nguyên vật liệu	413.447.682	374.039.080
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.666.000	18.925.562
	<b>337.460.424.709</b>	<b>314.885.634.170</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	303.229.185	313.025.186
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>337.157.195.524</b>	<b>314.572.608.984</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn bán thành phẩm	155.114.862.787	147.054.849.128
Giá vốn bán hàng hóa	361.966.843	345.063.742
Giá vốn hàng khuyến mãi	14.049.727.119	15.033.644.256
	<b>169.526.556.749</b>	<b>162.433.557.126</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	136.010.804.094	118.969.766.400
Chi phí nhân công	78.369.467.514	70.205.023.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.339.005.527	12.194.573.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.340.152.736	12.622.524.450
Chi phí khác	34.657.672.036	42.010.146.681
	<b>282.717.101.907</b>	<b>256.002.035.379</b>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	298.601.636	149.492.450
Cổ tức được chia	467.989.000	540.024.000
Lợi nhuận được chia từ OPC Bình Dương	731.254.945	1.366.106.440
Lợi nhuận được chia từ OPC Bắc Giang	-	410.694.627
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.276.603	-
Chiết khấu thanh toán nhận được	3.959.772	-
	<b>1.541.081.956</b>	<b>2.466.317.517</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	328.274.673	1.570.266.219
Chiết khấu thanh toán	3.062.083.016	1.308.912.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.045.413	7.670.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	102.060.873	343.249.495
Hoàn nhập lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(507.910.030)
	<b>3.514.463.975</b>	<b>2.722.188.620</b>

301 NH IG HÈ O T TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	11.273.435.982	10.194.460.305
Phí, lệ phí	3.083.524.568	1.595.487.799
Chi phí phúc lợi	2.832.271.500	-
Các chi phí khác	11.678.385.532	11.492.393.860
	<b>28.867.617.582</b>	<b>23.282.341.964</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	49.896.030.521	43.864.956.640
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	19.158.186.545	22.887.092.176
Các chi phí khác	15.794.562.327	15.067.576.426
	<b>84.848.779.393</b>	<b>81.819.625.242</b>

**31. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu nhập từ cho thuê đất	374.363.641	207.909.092
Khác	20.354.545	1.004.701.191
<b>Thu nhập khác</b>	<b>394.718.186</b>	<b>1.212.610.283</b>
Khác	30.696.621	39.558.650
<b>Chi phí khác</b>	<b>30.696.621</b>	<b>39.558.650</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>364.021.565</b>	<b>1.173.051.633</b>

002  
ÁNH  
TY  
HỮU  
TTI  
NAM  
HỒ C

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	11.954.669.919	10.668.403.746
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	4.297.700	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.958.967.619</b>	<b>10.668.403.746</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.126.180	189.575.952
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>17.126.180</b>	<b>189.575.952</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2014: 22%). Cơ quan thuế đã kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đến hết năm 2010.

Số liệu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là số liệu tạm tính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được tính toán vào cuối năm tài chính.

**33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	2.862.968.095	1.378.986.360

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Trong vòng một năm	2.673.588.060	2.757.972.360
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.694.352.240	11.031.889.440
Sau năm năm	1.336.794.030	4.136.958.360
	<b>14.704.734.330</b>	<b>17.926.820.160</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020.

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.256.544.415	38.222.725.654
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.113.266.430	7.113.266.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.624.180.580	53.018.129.131
Các khoản ký quỹ	368.603.938	386.380.555
<b>Tổng</b>	<b><u>129.362.595.363</u></b>	<b><u>98.740.501.770</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	10.531.269.840	21.978.271.482
Phải trả người bán và phải trả khác	28.405.446.462	44.679.739.366
Chi phí phải trả	15.052.849.755	2.713.075.510
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>53.989.566.057</u></b>	<b><u>69.371.086.358</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/kỳ như sau:

	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ</b>	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	352.188.046	621.406.485	16.508.061.840	13.845.211.400

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng lần lượt là 323.117.476 đồng (năm 2014: 264.476.098 đồng).

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản lý bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

002  
INH  
TY  
HUU H  
TTE  
NAM  
HO C U

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.256.544.415	-	43.256.544.415
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.113.266.430	-	7.113.266.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.624.180.580	-	78.624.180.580
Các khoản ký quỹ	368.603.938	-	368.603.938
<b>Tổng</b>	<b>129.362.595.363</b>	<b>-</b>	<b>129.362.595.363</b>
Các khoản vay	10.531.269.840	-	10.531.269.840
Phải trả người bán và phải trả khác	28.289.346.462	116.100.000	28.405.446.462
Chi phí phải trả	15.052.849.755	-	15.052.849.755
<b>Tổng</b>	<b>53.873.466.057</b>	<b>116.100.000</b>	<b>53.989.566.057</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>75.489.129.306</b>	<b>(116.100.000)</b>	<b>75.373.029.306</b>

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.222.725.654	-	38.222.725.654
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.113.266.430	-	7.113.266.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.018.129.131	-	53.018.129.131
Các khoản ký quỹ	386.380.555	-	386.380.555
<b>Tổng</b>	<b>98.740.501.770</b>	<b>-</b>	<b>98.740.501.770</b>
Các khoản vay	21.978.271.482	-	21.978.271.482
Phải trả người bán và phải trả khác	44.509.739.366	170.000.000	44.679.739.366
Chi phí phải trả	2.713.075.510	-	2.713.075.510
<b>Tổng</b>	<b>69.201.086.358</b>	<b>170.000.000</b>	<b>69.371.086.358</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>29.539.415.412</b>	<b>(170.000.000)</b>	<b>29.369.415.412</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

**Danh sách các bên liên quan:**

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>	
OPC Bình Dương	Công ty con	
OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	
	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 <u>VND</u>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>
<b>OPC Bình Dương</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.394.000	130.600.010
Doanh thu cho thuê	60.000.000	60.000.000
Mua nguyên vật liệu	11.073.537.615	12.608.413.314
Lợi nhuận được chia	<u>731.254.945</u>	<u>1.366.106.440</u>
<b>OPC Bắc Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu	14.676.360.500	12.748.861.000
Lợi nhuận được chia	<u>-</u>	<u>410.694.627</u>
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã chi trả trong kỳ như sau:	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 <u>VND</u>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>2.831.577.211</u>	<u>3.360.409.131</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
<b>Phải trả người bán</b>		
OPC Bình Dương	3.750.065.252	1.275.810.524
OPC Bắc Giang	4.551.130.000	4.177.378.350
	<u><b>8.301.195.252</b></u>	<u><b>5.453.188.874</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 1.033.487.750 đồng là cổ tức của các năm mà Cổ đông chưa nhận tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 757.416.350 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu tăng các khoản phải trả.

**37. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị quyết số 382/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC năm 2015. Các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 964.255 cổ phần cho người lao động của Công ty theo Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn người lao động trong Công ty (gọi tắt là “ESOP”) và Công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng công văn số 4661/UBCK-QLPH vào ngày 27 tháng 7 năm 2015.

Tại ngày 06 tháng 8 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 964.255 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho Cán bộ Công nhân viên theo chương trình ESOP với giá bán là 12.000 đồng/cổ phần. Theo đó, tổng số tiền Công ty đã thu được là 11.571.060.000 đồng và được Công ty ghi nhận vào vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần với số tiền lần lượt là 9.642.550.000 đồng và 1.928.510.000 đồng. Hiện tại, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục để niêm yết bổ sung các cổ phần phát hành thêm này.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại và trình bày lại nhằm mục đích để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này cụ thể như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC**1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6  
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	<b>Mã số</b>	<b>Số đã báo cáo VND</b>	<b>Phân loại lại VND</b>	<b>Số sau phân loại lại VND</b>
<b><u>Bảng cân đối kế toán</u></b>				
Chứng khoán kinh doanh	121	-	10.100.000.000	10.100.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20.290.000.000	(10.100.000.000)	10.190.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	(2.986.733.570)	(2.986.733.570)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(2.986.733.570)	2.986.733.570	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	380.098.042	791.325.305	1.171.423.347
Tài sản ngắn hạn khác	155	764.325.305	(764.325.305)	-
Tài sản dài hạn khác	268	27.000.000	(27.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	250.000.000	250.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.250.000.000	(250.000.000)	6.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	<u>128.018.713.711</u>	<u>15.922.239.729</u>	<u>143.940.953.440</u>
<b><u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u></b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	314.893.518.970	(7.884.800)	314.885.634.170
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	320.909.986	(7.884.800)	313.025.186
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	147.399.912.870	15.033.644.256	162.433.557.126
Chi phí bán hàng	25	<u>96.853.269.498</u>	<u>(15.033.644.256)</u>	<u>81.819.625.242</u>

ball

\_\_\_\_\_  
**Hồ Thị Hải Vân**  
 Người lập

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thế Đề**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Chí Linh**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 21 tháng 8 năm 2015



**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +84 4 6288 3568  
Fax: +84 4 6288 5678

**Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh**

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,  
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel : +84 8 3910 0751  
Fax: +84 8 3910 0750

[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

© 2015 Deloitte Việt Nam